

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2023/DS - ST**

Ngày: 15/3/2023

V/v **“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông Tô Minh Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022. Về **“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thùy L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 163A, KV. P Q, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Cửa**, sinh năm 1989. (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/11/2022).

Địa chỉ: Cạnh 329A, Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: 1. Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2. Bà **Huỳnh Thanh N**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 71, Khu vực 2, P. B L, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 và bản tự khai ngày 04/11/2022 nguyên đơn Phạm Thùy L trình bày:

Trước đây do mối quan hệ quen biết nên nguyên đơn nhiều lần cho ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N vay tiền. Đến ngày 24/01/2022, hai bên chốt nợ, tổng số tiền các bị đơn còn nợ nguyên đơn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), có ký biên nhận tiền cùng ngày và ông Hồng có đưa một Giấy phép đăng ký kinh doanh nhà trọ cho nguyên đơn giữ làm tin. Theo biên nhận tiền thì các bên có thỏa thuận lãi suất 12%/tháng, đồng thời thanh toán mỗi tháng là 50.000.000 đồng đến khi hết số tiền trên. Tuy nhiên, đến hạn trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc thì phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 866.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 24/6/2022 là 66.800.000 đồng và yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 20%/năm, đồng thời nguyên đơn sẽ trả lại giấy phép kinh doanh nhà trọ cho bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 04/11/2022 và ngày 22/11/2022 nhưng ông Hồng, bà Nguyệt vẫn vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút bớt một phần yêu cầu về lãi suất, cụ thể yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi chốt nợ ngày 24/01/2022 đến ngày 15/3/2023 theo qui định của pháp luật là 10%/năm. Yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022 bản gốc (BL 67) thể hiện các bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thoả thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thoả thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Phạm Thanh H và Huỳnh Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Hồng, bà Nguyệt vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đã tiến hành thông báo nhắc tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Hồng, bà Nguyệt vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về số nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cả hai bị đơn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022 bản gốc (BL 67) do phía nguyên đơn cung cấp, thể hiện hai bị đơn tự ghi số tiền đã mượn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và có chữ ký xác nhận của cả hai bị đơn. Cho nên đủ cơ sở kết luận ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền **800.000.000 đồng** (Tám trăm triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 12%/tháng, đồng thời thanh toán mỗi tháng là 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày này. Trong Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022 bản gốc (BL 67) chỉ thể hiện số tiền vay, thỏa thuận trả lãi hàng ngày nhưng không thể hiện có lãi suất nên xem đây là trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463, 469 của Bộ luật dân sự. Theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với

mức lãi suất theo qui định là 50%(20%/năm) tức **0,83%/tháng**. Tại tòa hôm nay đại diện nguyên đơn cũng thay đổi chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định là 10%/năm đối với số nợ vay. Do đó, có cơ sở chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu nguyên đơn.

Từ ngày 24/01/2022 đến ngày xét xử 15/03/2023 là 13 tháng 19 ngày. Nên tiền lãi là 800.000.000 đồng x 13 tháng 19 ngày x 0,83%/tháng = **90.525.000 đồng** (Chín mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thùy L tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 800.000.000 đồng + 90.525.000 đồng = 890.525.000 đồng (Tám trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thùy L về việc trả lại cho ông Phạm Thanh H bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 64F.8001434 do Phòng tài chính kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp cho hộ kinh doanh Thanh Hồng đăng ký lần đầu ngày 21/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/01/2015, sau khi bị đơn thanh toán hết nợ.

[8] Đối với số tiền lãi 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) được nêu trong Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[9] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền là 1.740.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 782 ngày 14/12/2022 và số 207 ngày 07/12/2022) do nguyên đơn tạm ứng và tự nguyện chịu nên không điều chỉnh thêm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn ông Phạm Thanh H, bà Huỳnh Thanh N phải liên đới chịu toàn bộ án phí là 36.000.000 đồng + 3% (890.525.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 38.715.750 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.002.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008656 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .
- Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà **Phạm Thùy L.** Buộc ông **Phạm Thanh H**, bà **Huỳnh Thanh N** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thùy L số nợ gốc 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và nợ lãi 90.525.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là **890.525.000 đồng** (Tám trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thùy L về việc trả lại cho ông Phạm Thanh H bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 64F.8001434 do Phòng tài chính kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp cho hộ kinh doanh Thanh Hồng đăng ký lần đầu ngày 21/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/01/2015, sau khi các bị đơn thanh toán hết nợ.

3/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền là 1.740.000 đồng (theo Hóa đơn GTGT số 782 ngày 14/12/2022 và số 207 ngày 07/12/2022) nên không không điều chỉnh thêm.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Huỳnh Thanh N phải liên đới chịu án phí có giá ngạch số tiền là 38.715.750 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn Phạm Thùy L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.002.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008656 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

5/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án ông **Phạm Thanh H**, bà **Huỳnh Thanh N** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q. Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung